

# NHẬN THỨC VỀ NHÂN QUYỀN VÀ QUAN ĐIỂM VỀ DÂN CHỦ CỦA SINH VIÊN MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở HÀ NỘI<sup>1</sup>

VŨ MINH CHI\*

VŨ THỊ THANH\*\* & NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO\*\*\*

## Mở đầu

Nhận thức về nhân quyền là một trong những yếu tố có ý nghĩa quan trọng đối với việc thực hiện quyền con người. Cho dù các quyền đã được bảo đảm bằng khuôn khổ pháp lý và môi trường kinh tế đủ điều kiện thực hiện nhưng bầu không khí xã hội (văn hóa nhân quyền) không ủng hộ thì việc thực hiện quyền con người cũng không thể đạt được hiệu quả như mong muốn, thậm chí làm cho việc thực hiện đi đến chỗ thất bại. Tuy nhiên, những nghiên cứu đặt trọng tâm vào mặt văn hóa, nhận thức về quyền con người còn ít được quan tâm chú ý ở nước ta, nhất là về mặt thực chứng. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu này muốn tìm hiểu một cách thực chứng nhận thức của sinh viên về quyền con người và quan điểm của họ về dân chủ, và trong phạm vi một bài viết, chúng tôi tập trung giới thiệu kết quả phân tích nhận thức và quan điểm của sinh viên về Quyền con người và Dân chủ, trên cơ sở dữ liệu cuộc điều tra sinh viên của đề tài cấp Bộ (Viện NC Con người năm 2008) với dung lượng mẫu là 380 người, được lựa chọn ngẫu nhiên có chủ đích từ các trường Đại học Công đoàn (46.6%); Đại học Kinh tế (Đại học Quốc gia Hà Nội) (21.3%); Đại học Luật Hà Nội (18.9%) và Đại học Bách khoa (13.2%). Chủ đích nghĩa là chọn sinh viên ở hai nhóm trường khác nhau, một bên liên quan đến công tác quần chúng, tiếp xúc với dân, và chuyên ngành luật so với một bên là chuyên ngành kỹ thuật, kinh tế, có thể ít am hiểu hơn về luật. Việc phân tích được tiến hành theo một số tiêu chí xác định cùng những biến số độc lập khác như trường, giới, có khả năng tác động đáng kể đến nhận thức của sinh viên. Kết quả khảo sát cũng được so sánh với số liệu của Điều tra Giá trị Thế giới (WVS-2006), tiến hành trên đối tượng N > 2000 người dân Việt Nam có độ tuổi trung bình là 44, tạo cơ sở tìm hiểu sự thay đổi quan điểm, thái độ giữa các thế hệ.

## 1. Nhận thức của sinh viên về Quyền con người

(1) *Nhận thức về vấn đề quyền con người* Trước hết, đối với câu hỏi đề nghị kể tên các quyền cơ bản của con người, quyền được sinh viên lựa chọn nhiều nhất là quyền về tự do (bao gồm tự do hôn nhân, yêu đương, kết bạn; tự do tôn giáo, tự do ngôn luận, tự do cư trú, đi lại) chiếm 23,5% tổng số lựa chọn. Tiếp theo là quyền bình đẳng, không

<sup>1</sup> Phân tích kết quả điều tra tiến hành trong khuôn khổ Đề tài cấp Bộ *Những vấn đề cơ bản thực hiện quyền con người vì mục tiêu phát triển con người* – Viện KHXH Việt Nam do TS. Vũ Minh Chi chủ nhiệm.

\* TS.; Viện Nghiên cứu Con người.

\*\* ThS.; Viện Nghiên cứu Con người.

\*\*\* TS.; Đại học Quốc gia Hà Nội.

phân biệt đối xử, chiếm 16,4% tổng số lựa chọn; quyền mưu cầu hạnh phúc chiếm 9,8%, quyền sinh tồn và quyền được giáo dục đều đạt 8,3%. Tỷ lệ sinh viên kể tên các quyền khác chiếm tỷ lệ không đáng kể, hầu hết đều dưới 6% như bảng 1 thể hiện.

Các quyền con người được sinh viên kể ra trên đây hầu hết đều là những quyền mà sinh viên cảm thấy quan trọng đối với bản thân, bởi khi được yêu cầu kể tên ít nhất 5 quyền quan trọng với bản thân, quyền được lựa chọn đều nằm trong số những quyền này, chỉ có một điều khác biệt duy nhất là quyền về giáo dục được lựa chọn nhiều hơn (có tỷ lệ cao thứ 3 trong số các quyền quan trọng mà sinh viên kể ra). Cụ thể, số lượt lựa chọn các Quyền tự do chiếm 21,7%; Quyền bình đẳng - 15,8%; Quyền được giáo dục - 11,4%; Quyền mưu cầu hạnh phúc - 8,1%; Quyền được sinh tồn - 6,4%.

**Bảng 1. Kể tên các quyền cơ bản của con người**

Tên các quyền	Số lượt lựa chọn	Tỷ lệ (%)
Các quyền về tự do	304	23,5
Các quyền về bình đẳng, không phân biệt đối xử	212	16,4
Quyền được mưu cầu hạnh phúc	127	9,8
Quyền sinh tồn	107	8,3
Quyền được giáo dục, học tập	107	8,3
Quyền chính trị	85	6,6
Quyền được lao động, có việc làm	57	4,4
Quyền xã hội	65	5,0
Các quyền bầu cử, ứng cử, tranh cử	42	3,3
Quyền được hưởng lợi ích, thành quả lao động	25	1,9
Quyền được tôn trọng	18	1,4
Quyền tham gia các hoạt động xã hội	17	1,3
Quyền công dân	11	0,9
Quyền sở hữu (tài sản, trí tuệ)	11	0,9
Quyền được chăm sóc sức khỏe	11	0,9
Quyền độc lập; tự quyết	10	0,8
Quyền được bảo vệ, được an toàn	8	0,6
Quyền được nghỉ ngơi, vui chơi giải trí	7	0,5
Quyền bất khả xâm phạm về thân thể	7	0,5
Quyền được công hiến, sáng tạo	6	0,5
Các quyền khác	55	4,3
Tổng số lượt trả lời	1.292	100,0

Khi kể tên các quyền cơ bản của con người, tỷ lệ sinh viên nêu tên quyền hưởng giáo dục thấp hơn so với quyền sinh tồn, quyền mưu cầu hạnh phúc nhưng khi lựa chọn các quyền quan trọng đối với bản thân, sau quyền tự do và bình đẳng, sinh viên lựa chọn quyền giáo dục cao hơn hẳn so với quyền sinh tồn và mưu cầu hạnh phúc. Điều đó cho thấy mức độ quan trọng của quyền học tập đối với sinh viên, đồng thời một lần nữa cũng khẳng định việc sinh viên đề cao các quyền về tự do và bình đẳng. Khi xếp hạng ưu tiên các nhóm quyền cơ bản của con người, trong tổng số 6 nhóm quyền được đưa

ra, nhóm quyền được sinh viên xếp hạng cao nhất là quyền tự do, tiếp đến là quyền bình đẳng, các quyền xã hội, quyền chính trị và các quyền nhận lợi ích.

Theo tiêu chí trường và giới, việc xếp hạng các nhóm quyền quan trọng tuy không có khác biệt đáng kể trong việc lựa chọn các quyền quan trọng thứ nhất, thứ hai, nhưng đối với lựa chọn quyền quan trọng thứ ba, lại có sự khác biệt đáng kể giữa sinh viên các trường khác nhau: tỷ lệ sinh viên lựa chọn Quyền xã hội (chiếm 32,2%) nhiều nhất ở Đại học Công đoàn; Quyền nhận lợi ích nhiều nhất ở Đại học Kinh tế (Đại học Quốc gia Hà Nội) và Đại học Bách Khoa (chiếm tỷ lệ lần lượt là 35,8% và 32,0%), Các quyền khác (chiếm 32,4%) nhiều nhất ở Đại học Luật (với  $P = 0.003$ ).

Tương tự như vậy, không có khác biệt đáng kể về tương quan giới đối với lựa chọn quyền quan trọng thứ nhất, thứ hai, ( $P > 0.05$ ), nhưng đối với lựa chọn quyền quan trọng thứ ba thì có sự khác biệt đáng kể giữa nam và nữ. Tỷ lệ lựa chọn nhiều nhất ở nam là Quyền xã hội (chiếm 31%) trong khi ở nữ là Quyền nhận lợi ích và quyền chính trị (cùng chiếm 25,4%), với  $P = 0.017$ .

Nhận thức về quyền con người còn được xem xét ở quan điểm đối với một số vấn đề cụ thể có liên quan, ví dụ với câu hỏi “Người đã bị tước quyền công dân có còn quyền con người không”, phần lớn sinh viên trả lời “có”. Điều này cho thấy sinh viên phân biệt rõ ràng giữa quyền công dân và quyền con người mặc dù theo điều 50 của Hiến pháp Việt Nam, quyền con người được thể hiện thông qua các quyền công dân. Tuy nhiên, vẫn còn một số lượng không nhỏ trả lời “không”. Cụ thể, trả lời “có” chiếm 74,3%, và 25,7% còn lại trả lời “không”. Kết quả này khá đồng nhất về giới tính ( $P > 0.05$ ) nhưng khác biệt đáng kể giữa các trường. Đa số sinh viên Đại học Luật và Đại học Bách khoa cho rằng người bị tước đoạt quyền công dân vẫn có quyền con người (chiếm tỷ lệ lần lượt là 90,1% và 80,0%). Trong khi đó, lựa chọn này ở sinh viên Đại học Kinh tế và Đại học Công đoàn đều thấp hơn (tỷ lệ lần lượt là 72,0% và 66,9%,  $P = 0.02$ ).

Về vấn đề áp dụng án tử hình, trên thế giới có những nơi (như một số bang ở Mỹ) luật pháp không áp dụng hình thức tử hình để trừng trị tội phạm nhưng phần lớn các nước khác (trong đó có Việt Nam) coi tử hình là một hình thức trừng trị cao nhất đối với các tội phạm nguy hiểm. Điều đó được pháp luật quy định và được thực hiện ở Việt Nam từ khá lâu, bởi vậy, không ngạc nhiên khi phần lớn sinh viên đều lựa chọn phương án “không” (chiếm 75,1%) với câu hỏi “Tử hình có phải là vi phạm quyền con người không?”. Tuy nhiên, cũng giống với câu hỏi “Người đã bị tước quyền công dân có còn quyền con người không”, tỷ lệ trả lời có sự khác nhau đáng quan tâm giữa các trường. Cụ thể, tỷ lệ coi tử hình là không vi phạm quyền con người cao hơn lại thuộc về sinh viên Đại học Luật và Đại học Công đoàn (chiếm tỷ lệ lần lượt là 79,2% và 79,6%), trong khi ở Đại học Bách Khoa và Đại học Kinh tế có phần thấp hơn (75,5% và 62,5%, với  $P = 0.026$ ).

(2) *Quan điểm của sinh viên về giáo dục quyền con người.* Khi được hỏi về mức độ cần thiết của giáo dục quyền con người, 82,2% sinh viên khẳng định tính cần thiết: trong đó, Hết sức cần thiết là 11,4% và Cần thiết là 68,1%. Đánh giá này tuy khá đồng nhất về giới nhưng khác biệt đáng kể về trường: 100% sinh viên Đại học Công đoàn cho rằng cần thiết phải giáo dục về quyền con người. Tỷ lệ này của ở Đại học Kinh tế và

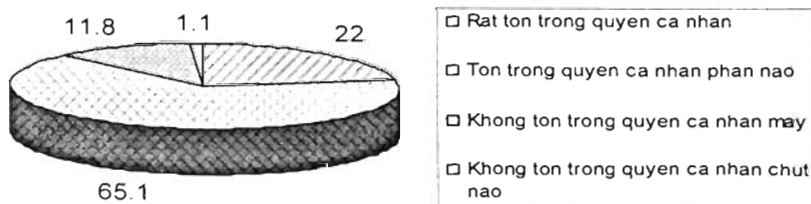
Đại học Bách khoa cũng khá cao (lần lượt là 88,6% và 80,0%) trong khi rất đáng quan tâm là tỷ lệ ở Đại học Luật chỉ là 33,3%. Phải chăng chính vì đang học ngành Luật, đã có hiểu biết về nhân quyền mà đa số sinh viên Đại học Luật đã không coi giáo dục quyền con người là cần thiết?

Về chủ thể có vai trò cao nhất trong giáo dục quyền con người, có tới 171 trong tổng số 369 trường hợp trả lời (chiếm 46,3%) cho rằng vai trò này thuộc về Nhà nước. Tỷ lệ sinh viên đánh giá cao vai trò của gia đình và cộng đồng tương đối bằng nhau, lần lượt là 28,5% và 25,2%. Kết quả này có sự khác biệt khá lớn giữa các trường: phần lớn sinh viên Đại học Công đoàn và Đại học Luật cho rằng trách nhiệm này là thuộc về Nhà nước, còn sinh viên Đại học Kinh tế lại chọn chủ thể là gia đình và sinh viên Đại học Bách Khoa chọn chủ thể là cộng đồng ( $P = 0.000$ ).

(3) *Quan điểm của sinh viên đối với việc thực hiện quyền con người.* Điều đáng chú ý trước tiên trong đánh giá mức độ tôn trọng quyền con người là, phần lớn sinh viên (87,2%) cho rằng quyền cá nhân hiện nay được tôn trọng (ở hai mức độ “phần nào” và “rất tôn trọng”) và một số không nhỏ khác cho rằng chưa được tôn trọng (ở hai mức “không tôn trọng” và “không tôn trọng chút nào”). Về chi tiết, chỉ có 22% đánh giá ở mức rất tôn trọng, 65,1% đánh giá ở mức tôn trọng phần nào, và 11,8% đánh giá ở mức không tôn trọng và 1,1% không tôn trọng chút nào (hình 1).

Khía cạnh thực hiện quyền công dân được xem xét qua việc thực hiện quyền bầu cử: phần lớn sinh viên đều thực hiện quyền chính trị tập trung nhất ở việc đi bầu cử lần gần đây nhất (88,9%). Tuy nhiên, có hai điều rất đáng quan tâm, một là nam giới có xu hướng coi trọng và thực hiện quyền đi bầu cử cao hơn so với nữ giới (tỷ lệ nam giới đi bầu là 93,0% so với nữ giới chỉ có 86,0%;  $P = 0.05$ ); và hai là về hình thức đi bầu cử, tỷ lệ sinh viên trực tiếp đi bầu không phải là cao (chỉ có 296/tổng số 360 trường hợp trả lời, chiếm 82,2%). Số còn lại (16,7%) thì Chủ hộ đại diện đi bầu (11,9%) hoặc Nhờ người khác đi bầu (5,8%).

**Hình 1. Đánh giá mức độ quyền cá nhân được tôn trọng hiện nay (%)**



Thực hiện quyền công dân còn được xem xét qua thái độ chống phân biệt đối xử, thái độ đối xử bình đẳng và tôn trọng con người cho dù khác biệt về hoàn cảnh, địa vị xã

hội, hay khác biệt về giới tính, tôn giáo v.v... Về chống phân biệt đối xử theo giới, khi lựa chọn những vấn đề cấp bách (thứ nhất và thứ hai) của Việt Nam, tỷ lệ sinh viên lựa chọn “Phân biệt đối xử với trẻ em gái và phụ nữ” chiếm tỷ lệ khá cao, đứng ở vị trí nhất, nhì trong 5 vấn đề cấp bách được đưa ra (chi sau Đói nghèo và thiếu thốn). Cụ thể, 24,2% sinh viên cho rằng phân biệt đối xử với trẻ em gái và phụ nữ là vấn đề cấp bách thứ nhất và thứ hai trong 5 vấn đề, điều này phần nào thể hiện sự quan ngại của sinh viên đối với tình trạng phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái ở Việt Nam.

Điều này cũng được thể hiện rõ hơn khi so sánh với số liệu điều tra của WVS-2006 (bảng 2) với nội dung tương tự: vấn đề phân biệt đối xử với trẻ em gái và phụ nữ chỉ được người dân xếp thứ tư trong 5 vấn đề cấp bách của Việt Nam và số người lựa chọn cũng chiếm tỷ lệ khiêm tốn hơn, 9,2%. Rõ ràng là, thể hệ trẻ như sinh viên có xu hướng quan tâm hơn đối với vấn đề phân biệt đối xử theo giới. Và có một điều thú vị ở đây là, tỷ lệ nam giới lựa chọn Phân biệt đối xử với trẻ em gái và phụ nữ là vấn đề cấp bách của Việt Nam còn cao hơn cả tỷ lệ của nữ giới lựa chọn (52,8% so với 45,7%).

Về nhận định Giáo dục đại học đối với nam quan trọng hơn đối với nữ, đại đa số sinh viên (93,1%) biểu lộ không đồng tình, trong đó, mức Rất không tán thành chiếm 53,1% và Không tán thành chiếm 40,3%. Đối với quan điểm “Làm người nội trợ, phụ nữ cũng phát huy được khả năng như đi làm ăn lương”, tỷ lệ sinh viên tán đồng với ý kiến này là 63,1%, trong đó, Rất tán thành chiếm 13,9% và Tán thành chiếm 49,3%. Những đánh giá này nhìn chung không có khác biệt về trường học, giới tính ( $P > 0.05$ ), các kết quả đều cho thấy quan điểm khá tiến bộ, không phân biệt giới ở sinh viên cao hơn so với các tầng lớp dân cư Việt Nam nói chung.

**Bảng 2. Lựa chọn các vấn đề cấp bách thứ nhất và thứ hai của Việt Nam**

Các vấn đề cấp bách của Việt Nam	Đối tượng sinh viên trong mẫu Khảo sát sinh viên		Đối tượng người dân Việt Nam trong WVS	
	Số lượt lựa chọn	Tỷ lệ	Số lượt lựa chọn	Tỷ lệ
Đói nghèo và thiếu thốn	213	29,5	1201	41,3
Phân biệt đối xử với trẻ em gái, phụ nữ	176	24,4	267	9,2
Giáo dục còn nhiều vấn đề	142	19,7	397	13,7
Điều kiện vệ sinh thấp kém	105	14,5	611	21,0
Ô nhiễm môi trường	86	11,9	431	14,8
Tổng (lượt lựa chọn)	722	100	2.907	100

Việc đánh giá quan điểm của sinh viên về bình đẳng, chống kỳ thị, phân biệt đối xử còn được xem xét ở thái độ của họ đối với những nhóm đối tượng xã hội đặc biệt mà họ không muốn làm hàng xóm, đó là các đối tượng được lựa chọn thành 10 nhóm: (1) Người có tiền án; (2) Người nghiện rượu nặng; (3) Người có tình cảm không ổn định; (4) Người Cơ đốc giáo; (5) Người Hồi giáo; (6) Công dân nước ngoài, người nhập cư;

(7) Người bị HIV/AIDS; (8) Người nghiện ma túy; (9) Người đồng tính luyến ái và (10) Người khác chủng tộc.

Nhóm người nghiện và có tiền án là nhóm sinh viên không muốn làm hàng xóm nhất, trong đó người nghiện ma túy chiếm 72,9%, người nghiện rượu nặng chiếm 68,4% và người có tiền án chiếm 65,3%. Tiếp theo, nhóm đồng tính luyến ái và người bị HIV/AIDS cũng là đối tượng có tỷ lệ sinh viên lựa chọn không muốn làm hàng xóm khá cao (lần lượt là 62,% và 43,7%), cho thấy sự kỳ thị, phân biệt của sinh viên đối với những nhóm xã hội này còn khá nặng nề và mặc dù là tầng lớp có kiến thức cao hơn so với mặt bằng chung của xã hội, nhưng sinh viên vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề của những quan niệm cũ, có xu hướng đồng nhất sai lầm nhóm tệ nạn xã hội với những người đồng tính luyến ái và người có HIV/AIDS, nhóm người có quyền con người như những người bình thường nhưng cần nhận được sự quan tâm đặc biệt hơn bởi họ dễ bị tổn thương do sự kỳ thị xã hội. Với tỷ lệ sinh viên không muốn làm hàng xóm với các đối tượng này còn khá cao như vậy có thể thấy rằng các hoạt động tuyên truyền, kêu gọi chống kỳ thị, phân biệt đối xử với những người có HIV/AIDS hiện đang được triển khai rộng rãi để giúp họ có thể tái hòa nhập cộng đồng chưa thu được hiệu quả cao, chưa tác động đáng kể tới tầng lớp sinh viên.

Ngoài ra, nhóm người ít bị phân biệt đối xử nhất là người khác chủng tộc, người nhập cư, công dân nước ngoài (chỉ có 8,7% và 5,5% chọn không muốn làm hàng xóm); nhưng đáng chú ý là vẫn còn một số không ít sinh viên có thái độ phân biệt đối xử về mặt tôn giáo, thể hiện ở tỷ lệ chọn không muốn làm hàng xóm với người Cơ đốc giáo và người Hồi giáo chiếm tỷ lệ không nhỏ (lần lượt là 19,7% và 21,1%). Kết quả lựa chọn người không muốn làm hàng xóm của các nhóm sinh viên còn có sự khác biệt khá lớn giữa trường học và giới tính. Cụ thể, tỷ lệ sinh viên nam so với sinh viên nữ trong chọn không muốn làm hàng xóm đối với dân nhập cư cao gần gấp ba lần (9,2% so với 3,9%;  $P=0.043$ ), đối với người đồng tính cũng cao hơn khá nhiều (74,0% so với 54,8%).

Sự khác biệt còn thấy khá rõ giữa sinh viên các trường đại học khác nhau (kiểm định thống kê Chi-square luôn cho thấy mức ý nghĩa ( $P<0.05$ ), nhìn chung tỷ lệ cao nhất thuộc về sinh viên Đại học Bách khoa, ngược lại, sinh viên Đại học Công đoàn có xu hướng ít ngần ngại và phân biệt khi làm hàng xóm với các đối tượng này thể hiện ở tỷ lệ thường là thấp nhất. Nhưng riêng với hai đối tượng là Người có tình cảm không ổn định và Người đồng tính luyến ái, tỷ lệ không muốn làm hàng xóm thấp nhất lại thuộc về sinh viên Đại học Luật.

## 2. Quan điểm của sinh viên về Dân chủ

(1) Vấn đề nhận thức tầm quan trọng của dân chủ được phân tích theo hai nội dung, một là quan điểm đối với việc đưa vấn đề dân chủ thành một trong những mục tiêu của đất nước và hai là đánh giá tầm quan trọng của việc sống trong một đất nước dân chủ đối với sự phát triển con người. Đối với việc thêm cụm từ “dân chủ” vào mục tiêu xây dựng đất nước thành xã hội “công bằng, dân chủ, văn minh”, tỷ lệ hài lòng về điều này lên tới 91,3% (trong đó mức “Rất hài lòng” có 125/368 trường hợp trả lời, chiếm 34,0% và mức “Hài lòng” có 211/368 trường hợp trả lời, chiếm 57,3%). Điều đáng quan tâm là

mức độ hài lòng này có ảnh hưởng rất lớn (có ý nghĩa về mặt thống kê) tới mức độ hài lòng của sinh viên với cách bộ máy nhà nước giải quyết các vấn đề của đất nước. Cụ thể, trong tổng số 334 sinh viên tán thành việc thêm từ “dân chủ” vào mục tiêu của đất nước, có tới 182 trường hợp (54,5%) hài lòng với cách bộ máy nhà nước giải quyết các vấn đề của đất nước. Trong khi đó, trong số 32 sinh viên không tán thành việc thêm cụm từ “dân chủ” vào mục tiêu phát triển của đất nước, chỉ có 9 trường hợp (chiếm 28,1%),  $P = 0.004$  hài lòng với cách bộ máy nhà nước giải quyết các vấn đề của đất nước.

Liên quan tới việc đánh giá chế độ dân chủ, phần lớn sinh viên đều ủng hộ thông qua tán thành nhận định “Các nước dân chủ có thể có vấn đề nhưng còn tốt hơn bất kỳ hình thức lãnh đạo nào” với hai mức, “Rất tán thành” chiếm 16,9% và “Tán thành” chiếm 55,6%. Ngược lại, tỷ lệ sinh viên lựa chọn những đánh giá tiêu cực về dân chủ (tán thành những nhận định không tích cực về dân chủ như “Các nước dân chủ không quyết đoán và có quá nhiều điều tranh cãi”; “Các nước dân chủ duy trì trật tự không tốt”; “Ở nước dân chủ, hệ thống kinh tế hoạt động tồi” đều chiếm tỷ lệ không cao. Cụ thể, 83,9% không đồng tình với nhận định tiêu cực về dân chủ. Tỷ lệ không đồng ý cao nhất ở đặc trưng “Các nước dân chủ duy trì trật tự không tốt” (chiếm 87,7%), tiếp đó là đặc trưng “Ở nước dân chủ, hệ thống kinh tế hoạt động tồi” (chiếm 86,0%) và đặc trưng “Các nước dân chủ không quyết đoán và có quá nhiều điều tranh cãi” (chiếm 77,8%). Đối với việc đánh giá tầm quan trọng của việc sống trong một đất nước dân chủ đối với sự phát triển con người theo thang điểm 10, kết quả khảo sát cho thấy sinh viên đánh giá khá cao vai trò của dân chủ (điểm trung bình là 7,83).

(2) Đánh giá về đặc trưng của dân chủ theo thang điểm 10, loại đặc trưng dân chủ được sinh viên đánh giá cao nhất là “Nữ giới có quyền như nam giới” và “Nhân dân chọn các nhà lãnh đạo của mình thông qua bầu cử tự do” (điểm trung bình lần lượt là 8,6 và 8,14). Loại đặc trưng được đánh giá thấp nhất là “Nhân dân có thể thay thế luật lệ thông qua trưng cầu dân ý” và “Chính phủ đánh thuế người giàu, trợ giúp người nghèo” (điểm trung bình lần lượt là 6,42 và 5,71). So sánh với kết quả điều tra trên đối tượng người dân nói chung trong WVS-2006, điểm trung bình trong đánh giá các đặc trưng của dân chủ ở sinh viên nhìn chung thấp. Ví dụ, sinh viên đánh giá không cao đối với đặc trưng dân chủ “Nhân dân chọn các nhà lãnh đạo của mình thông qua bầu cử tự do” so với sự đánh giá của người dân Việt Nam nói chung (6,42 so với 9,39). Kết quả đánh giá đặc trưng dân chủ cũng có khác biệt về giới và trường: Nữ tán thành cao hơn nam về đặc trưng dân chủ “Nữ giới có quyền như nam giới” (8,76 so với 8,35 điểm,  $P=0.025$ ); Kinh tế phát triển (7,24 so với 7,03,  $P=0.036$ ) và “Chính phủ đánh thuế người giàu, trợ giúp người nghèo” (5,92 so với 5,36,  $P=0.042$ ).

Đối với đặc trưng “Nhân dân chọn các nhà lãnh đạo của mình thông qua bầu cử tự do”, điểm trung bình của sinh viên Đại học Bách khoa là 7,3 trong khi của sinh viên ba trường còn lại đều trên 8 ( $P = 0.01$ ); Đối với “Tội phạm bị trừng trị thích đáng”, điểm trung bình của sinh viên Đại học Công đoàn là 8,12 trong khi của sinh viên ba trường còn lại đều dưới 7 ( $P=0.01$ ).

(3) Quan điểm của sinh viên về đánh giá dân chủ ở Việt Nam. Đối với yêu cầu sinh viên đánh giá “Nước ta hiện nay được điều hành dân chủ đến mức nào” theo thang điểm từ 1 đến 10, điểm trung bình là 6,31 nhưng có sự khác biệt lớn về trường: điểm trung bình của sinh viên Đại học Công đoàn và Đại học Bách khoa đều trên 6 trong khi Đại học Kinh tế và Đại học Luật đều dưới 6 điểm;  $P = 0.000$ .

Đối với yêu cầu đánh giá “Đất nước hiện nay được điều hành như thế nào”, phần lớn sinh viên cho rằng đất nước được điều hành một cách dân chủ. Cụ thể, 74,3% tán thành với nhận định “Đất nước được điều hành bởi một số người có cùng quyền lợi vì lợi ích của người dân”. Tỷ lệ này cao gấp gần bốn lần so với số lượng sinh viên tán thành nhận định “Đất nước được điều hành bởi một số người có chung quyền lợi mưu cầu lợi ích riêng” cho mình” (25,7%). Các kết quả này không có sự khác biệt về giới tính và trường học ( $P > 0.05$ ) nhưng mức độ quan tâm đến chính trị của sinh viên có ảnh hưởng đáng kể đến cách đánh giá. Cụ thể, những sinh viên có bàn luận về chính trị với những người xung quanh (thường xuyên và thỉnh thoảng) thì tỷ lệ tán thành nhận định “Đất nước được điều hành bởi một số người có cùng quyền lợi vì lợi ích của người dân” là khá cao (lần lượt là 75,0% và 76,3%), còn sinh viên không bao giờ bàn luận về vấn đề chính trị thì tỷ lệ tán thành chỉ chiếm gần một nửa (47,8%),  $P = 0.049$ . Như vậy, sự quan tâm, bàn luận về chính trị của sinh viên có xu hướng ảnh hưởng đối với đánh giá tích cực của họ về sự điều hành của bộ máy nhà nước.

**Bảng 3. So sánh lựa chọn mục tiêu ưu tiên thứ nhất và thứ hai qua hai cuộc khảo sát**

Mục tiêu ưu tiên của Việt Nam	Sinh viên		Người dân (WVS)	
	Số lượt lựa chọn	Tỷ lệ (%)	Số lượt lựa chọn	Tỷ lệ (%)
Mức độ tăng trưởng kinh tế cao	353	46.9	1108	38.1
Người dân có quyền bàn nhiều hơn về cách thức công việc được tiến hành tại nơi làm việc và tại cộng đồng	191	25.4	562	19.3
Đảm bảo đất nước có lực lượng vũ trang vững mạnh	97	12.9	696	24.0
Cố gắng làm cho thành phố và miền quê của mình giàu đẹp	112	14.9	539	18.6
Tổng	753	100	2905	100

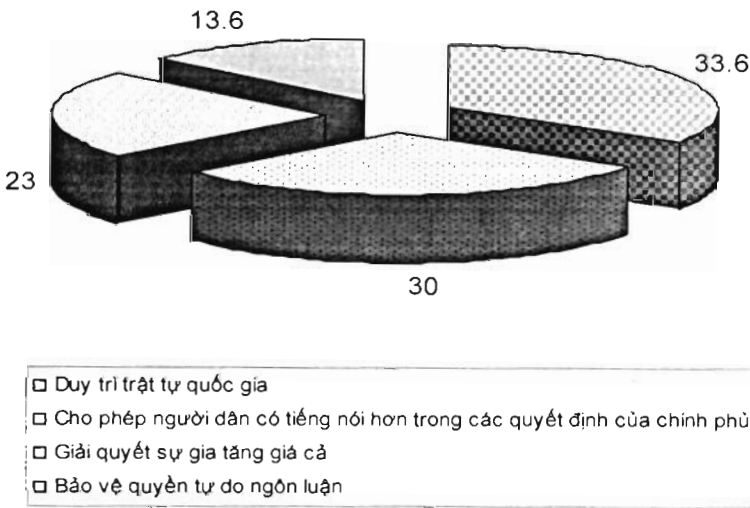
Sinh viên coi dân chủ là một mục tiêu quan trọng của đất nước. Bởi vậy, khi lựa chọn hai mục tiêu ưu tiên thứ nhất và thứ hai trong số 4 mục tiêu của đất nước trong 10 năm tới, tỷ lệ sinh viên ưu tiên lựa chọn nội dung mang tính dân chủ khá cao, thể hiện ở mục tiêu “Người dân có quyền bàn nhiều hơn về cách thức” “Mức độ tăng trưởng kinh tế cao” (46,9%). So với số liệu của WVS, người dân xếp ưu tiên thứ ba cho mục tiêu này (với



562/2.905 lượt lựa chọn, chiếm 19,3%), sau “Mức độ tăng trưởng kinh tế cao” (38,1%) và “Đảm bảo đất nước có lực lượng vũ trang vững mạnh” (24%). Bảng 3 cho thấy, khi lựa chọn ưu tiên, sinh viên nhấn mạnh mục tiêu dân chủ nhiều hơn người dân nói chung.

Hình 2 cũng cho thấy, khi lựa chọn mục tiêu ưu tiên thứ nhất và thứ hai của đất nước, tỷ lệ sinh viên lựa chọn “Cho phép người dân có tiếng nói hơn trong các quyết định của chính phủ cao thứ hai” (30,0%), chỉ sau mục tiêu “Duy trì trật tự quốc gia” (33,6%).

**Hình 2. Các vấn đề quan trọng của Việt Nam (%)**



(4) Vấn đề thực hiện dân chủ. Trong bốn loại hoạt động thực hiện dân chủ, như bảng 17 cho thấy, loại hình hoạt động mà sinh viên “đã làm” nhiều nhất là “Ký đơn kiến nghị” (22,9%). Đây cũng là loại hoạt động mà sinh viên có khả năng sẽ tham gia khá cao (với 73,6%) cùng với loại hoạt động sinh viên “có thể làm” cao nhất là “Tham gia biểu tình hợp pháp” (79,2%). Loại hoạt động mà sinh viên có xu hướng “không bao giờ làm” là “Tham gia tẩy chay” và “Tham gia đình công” không chính thức (64,0% và 58,8%).

Đối với các hoạt động “Ký đơn kiến nghị”, “Tham gia tẩy chay” và “Tham gia biểu tình hợp pháp”, so sánh với số liệu của WVS cho thấy, tỷ lệ sinh viên đã làm/có thể làm các hoạt động này cao hơn so với người dân nói chung. Có thể do đặc tính văn hóa “dĩ hoà vi quý” của người Việt mà phần lớn người dân không muốn tham gia vào những hoạt động này, nhưng có một điều đáng lưu tâm về chiều hướng thay đổi ở thế hệ trẻ, không ngại tham gia kiến nghị, tẩy chay, biểu tình hợp pháp, thể hiện ở trả lời “có thể tham gia” khá cao.

Đối với hình thức “Ký đơn kiến nghị”, tỷ lệ nữ có thể tham gia chiếm tới 78,0% trong khi của nam giới chỉ có 68,0%, ngược lại, tỷ lệ sẽ không bao giờ tham gia của nữ giới chưa tới 1% so với nam giới lên tới 7% ( $P = 0.03$ ). Đối với hoạt động Tham gia tẩy chay, tỷ lệ nam giới có thể tham gia cao gần gấp đôi so với tỷ lệ của nữ giới (42,6% so với 28,3%;  $P = 0.02$ ).

**Bảng 4. Hoạt động phản đối của sinh viên và người dân qua hai mẫu khảo sát (%)**

Hình thức hoạt động	Đối tượng sinh viên trong khảo sát			Đối tượng người dân trong WVS		
	Đã làm	Có thể làm	Không bao giờ làm	Đã làm	Có thể làm	Không bao giờ làm
Ký đơn kiến nghị	22.9	73.6	3.5	5.5	19.8	7.7
Tham gia tẩy chay	3.3	32.7	64.0	0.5	12.9	86.7
Tham dự biểu tình hợp pháp	6.3	79.2	14.5	1.0	19.4	79.7
Tham gia đình công không chính thức	3.0	38.1	58.8			

So sánh hình thức Tham gia đình công không chính thức có sự khác biệt đáng kể giữa các trường: Tỷ lệ sinh viên đã tham gia cao nhất là Đại học Bách khoa (8,0%); tỷ lệ sinh viên có thể tham gia cao nhất là Đại học Luật (51,4%); tỷ lệ sinh viên không bao giờ tham gia cao nhất ở Đại học Công đoàn (66,5%,  $P=0.011$ .)

#### **Một vài nhận xét thay kết luận**

Trong nghiên cứu này, nhận thức về nhân quyền được khảo sát qua việc yêu cầu sinh viên nêu tên một số quyền cơ bản của con người nói chung và một số quyền quan trọng nhất đối với bản thân nói riêng, kết quả cho thấy sinh viên nhận thức tương đối tốt. Nhóm quyền được sinh viên đề cập và coi trọng nhiều nhất là các quyền tự do, quyền bình đẳng, quyền giáo dục, quyền sinh tồn và quyền mưu cầu hạnh phúc. Có thể lý giải về điều này là do ảnh hưởng khá phổ biến của bản Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chủ Tịch đối với đa số người dân Việt Nam (“quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”). Tuy nhiên, trên thực tế, ít sinh viên tự giác rằng nhân quyền là quyền cụ thể, bản thân mình cũng là một chủ thể mang quyền. Vì vậy, khi được yêu cầu định nghĩa về quyền con người, cho dù hầu hết mọi người đều nghĩ ngay tới các quyền được nêu trong Tuyên ngôn Độc lập nhưng khi được hỏi bản thân có quyền gì thì không trả lời được ngay: Hầu hết sinh viên đều nêu được 3, 4 quyền nhưng đến quyền thứ năm thì có tới gần 50% không nêu được. Có lẽ vì sinh viên chưa có cơ hội học cụ thể về quyền. Điều này phần nào cũng được phản ánh ở một thực tế có liên quan đến việc thực hiện một quyền công dân rất quan trọng là quyền bầu cử, đáng chú ý vẫn còn có một số không nhỏ sinh viên không trực tiếp đi bầu, cho thấy công tác bầu cử còn mang tính hình thức.

Trong nhận thức về giáo dục quyền con người, cũng có vấn đề phải bàn, đó là phần lớn sinh viên, nhất là sinh viên Đại học Luật, cho rằng chủ thể của giáo dục quyền con người là Nhà nước (có đến 87% không trả lời được chủ thể thứ hai), điều này đúng nhưng hoàn toàn chưa đủ vì nếu nhà nước là chủ thể trách nhiệm thực hiện quyền con người mà lại phó mặc việc giáo dục quyền con người cho nhà nước thì có phần không hợp lý. Trên thực tế ở nhiều nước, giáo dục quyền con người do nhà nước thực hiện

thường được thay thế bằng giáo dục công dân, giáo dục đạo đức và giáo dục một cách hình thức về hiến pháp. Luật pháp liên quan đến nhân quyền là những luật quan trọng được hình thành theo chế độ lập pháp quốc hội với sự ủy thác của toàn dân hay nói khác đi là yêu cầu của xã hội công dân. Vì vậy giáo dục nhân quyền do nhà nước tiến hành cần được người dân giám sát, người dân có quyền lợi và nghĩa vụ tham gia vào giáo dục nhân quyền về nội dung và phương pháp, có trách nhiệm đóng góp ý kiến khi cần thiết. Tức là, giáo dục nhân quyền phải là sự nghiệp của toàn dân, trong đó vai trò của gia đình về giáo dục quyền con người ngay từ khi còn nhỏ, vai trò của cộng đồng, tổ chức dân sự trong việc giám sát giáo dục quyền là vô cùng quan trọng.

Sinh viên hiện nay nhận thức khá tốt về quyền bình đẳng và có thái độ không phân biệt đối xử về giới, coi bình đẳng giới là một trong những vấn đề rất quan trọng và ưu tiên hàng đầu của Việt Nam. Tuy nhiên, sinh viên lại thể hiện thái độ kỳ thị đối với một số nhóm xã hội dễ bị tổn thương rất cần sự quan tâm của xã hội, đặc biệt là nhóm người có HIV/AIDS. Thực tế này cho thấy cần nhấn mạnh việc tôn trọng quyền của các đối tượng này, hiểu rõ về HIV/AIDS không phải là một tệ nạn mà là một bệnh lý, không phải mọi người có HIV/AIDS đều là những người có lối sống thiếu lành mạnh, từ đó có cái nhìn và thái độ tôn trọng quyền hơn đối với những người kém may mắn này.

Về quan điểm dân chủ, phần lớn sinh viên nhận thức được những đặc trưng mang tính tích cực, ảnh hưởng quan trọng của dân chủ đối với sự phát triển con người, do vậy đa phần đều ủng hộ và đề cao thể chế dân chủ. Nhìn chung, so với những thế hệ đi trước, sinh viên tỏ ra ít ngần ngại hơn đối với việc tham gia các hoạt động phản đối như kiến nghị, tẩy chay, đình công, biểu tình hợp pháp. Điều đó phần nào cho thấy sinh viên hiểu và dám thể hiện một cách công khai quyền dân chủ của mình. Các mục tiêu mang tính dân chủ của đất nước thường được sinh viên ủng hộ và đề cao. Sinh viên cũng khá thẳng thắn trong việc đánh giá mức độ dân chủ ở Việt Nam.

### Tài liệu tham khảo

1. Liên hợp quốc, *Công ước về xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2002.
2. Viện Nghiên cứu Con người, *Số liệu khảo sát Điều tra giá trị thế giới WVS 2006*.
3. Todd Landman, *Studying Human Rights*, Routledge, 2006.
4. Vũ Minh Chi, “Giáo dục nhân quyền là giáo dục tính chủ thể đối với quyền”, *Tạp chí Nghiên cứu Con người số 5/2008*.
5. Đề tài cấp Bộ *Những vấn đề cơ bản thực hiện quyền con người vì mục tiêu phát triển con người 2009* - Viện Nghiên cứu Con người.